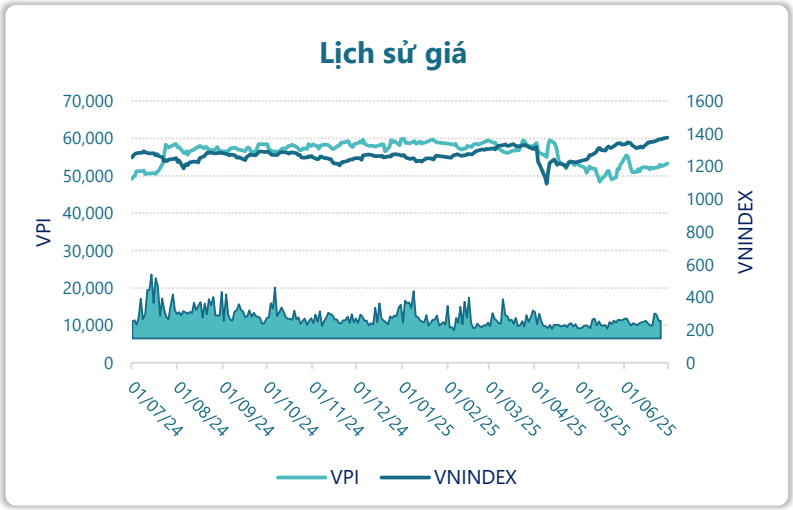
FireAnt

CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú (HSX: VPI)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**53,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	59,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	48,400
SL cổ phiếu LH	320,049,577
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,804,376
% sở hữu nước ngoài	10.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17,059
P/E	47.6
EPS	1,120

DT thuần

Q2/25

179

tỷ VNĐ

QoQ: ▼70.0| -28.0%

YoY: ▲ 12.0| 7.4%

LN sau thuế

Q2/25

1.70

tỷ VNĐ

QoQ: ▼140| -98.8%

YoY: ▼24.1| -93.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

5.4%

+/- YoY: ▼ 24.0%

DT thuần

6T 2025

428

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 134| 45.8%

LN sau thuế

6T 2025

144

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 48.3| 50.4%

ROE

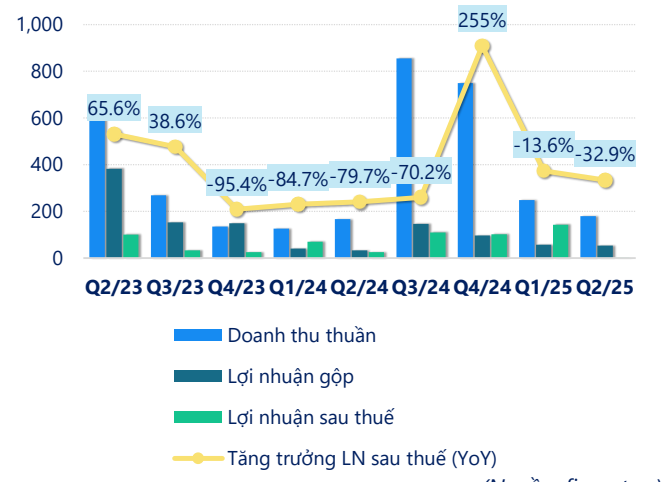
Q2/25

7.7%

+/- YoY: ▲ 2.8%

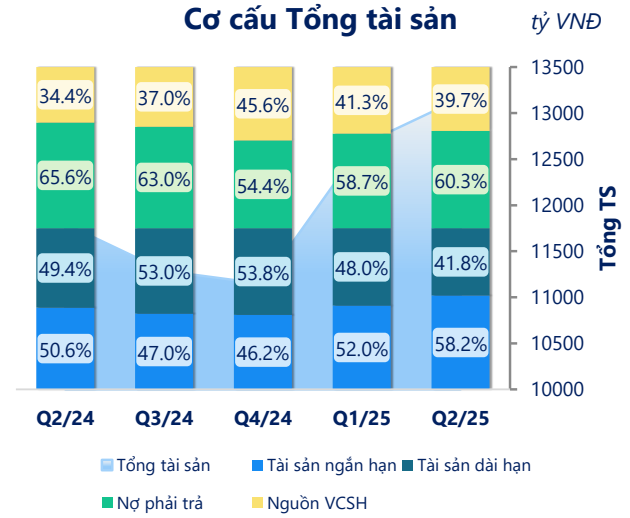
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



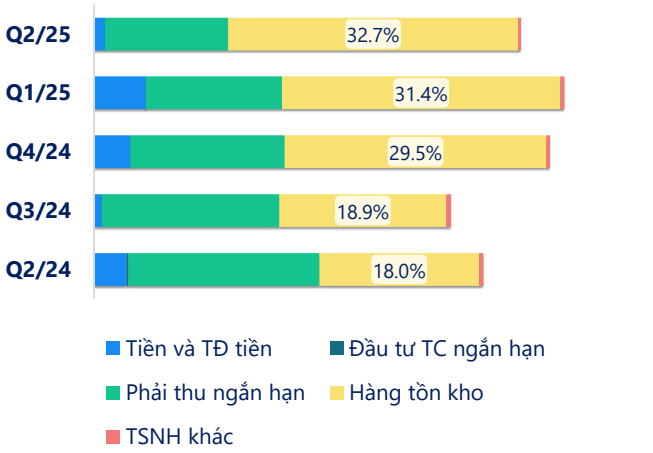
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



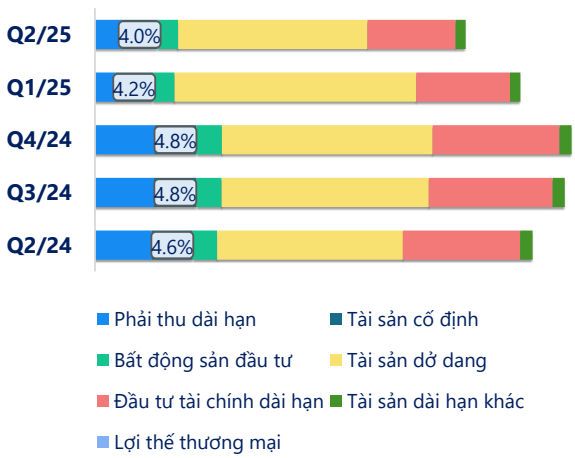
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



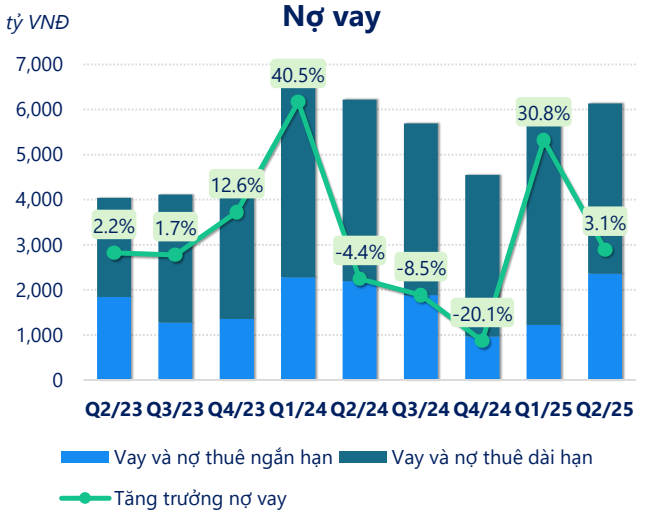
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



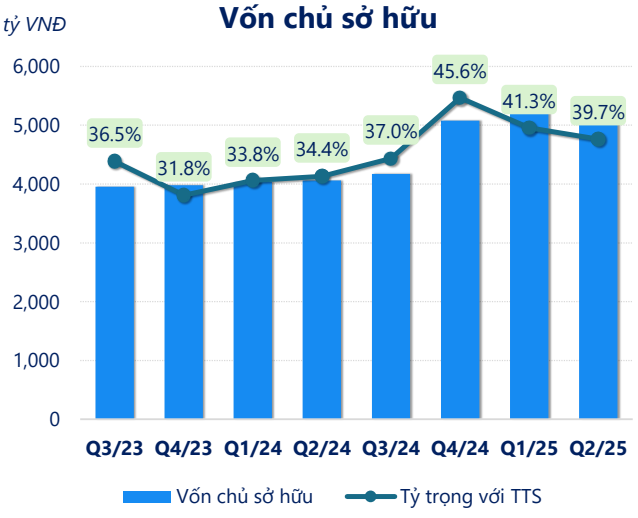
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



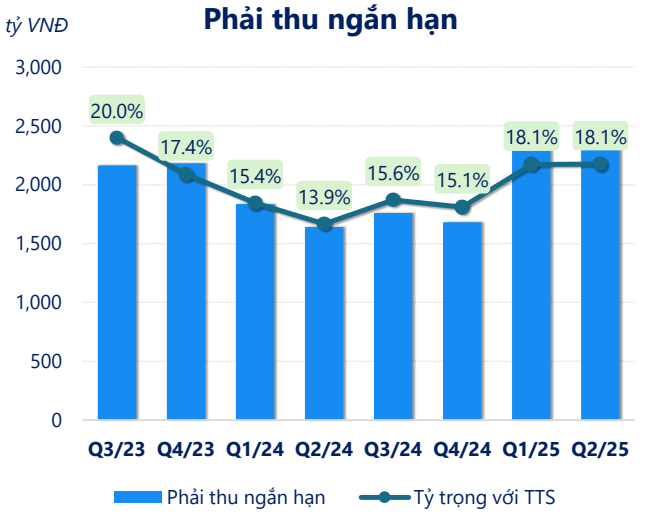
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



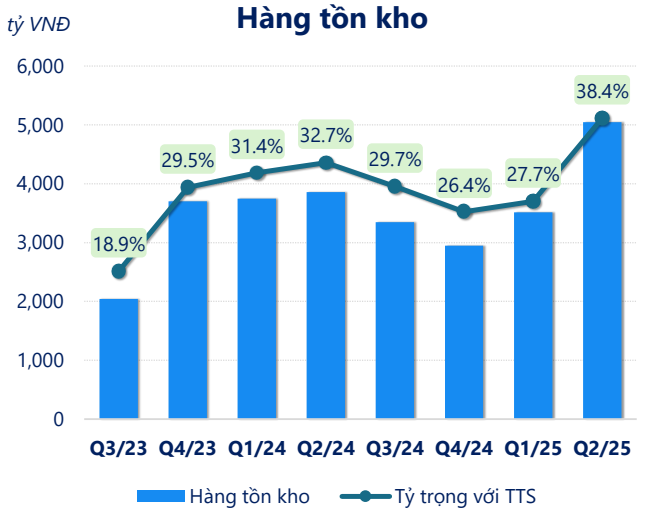
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



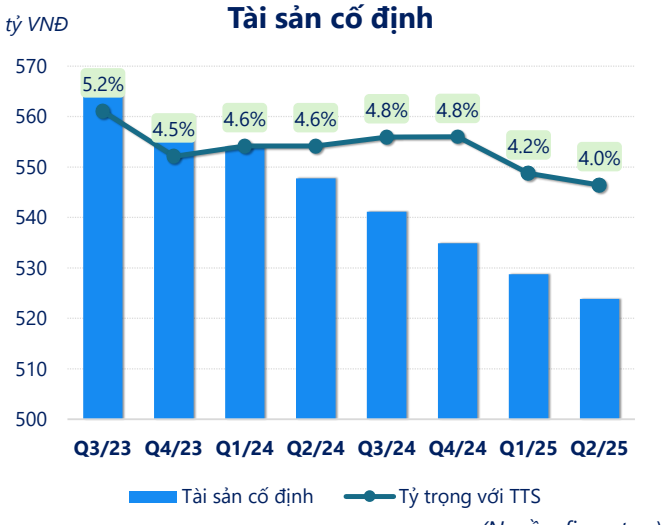
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



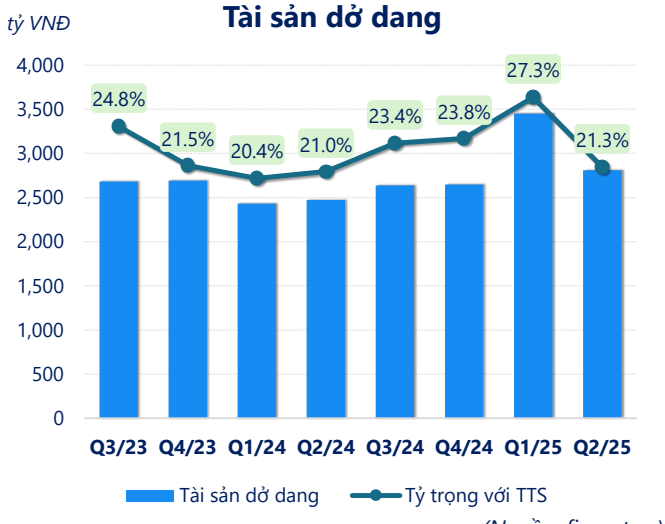
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



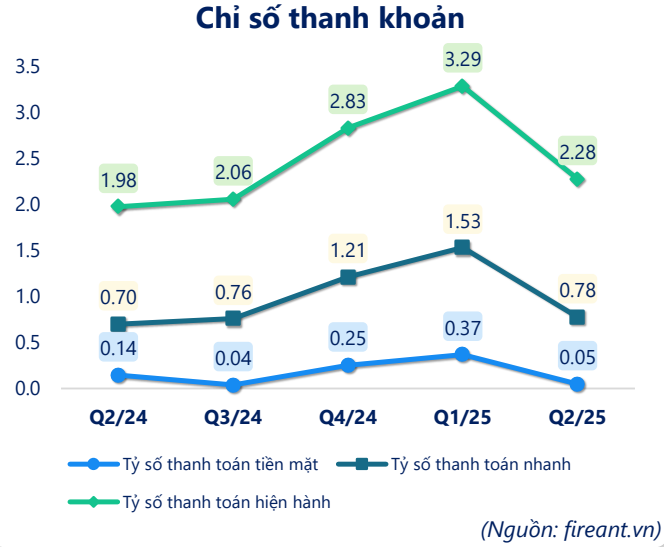
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



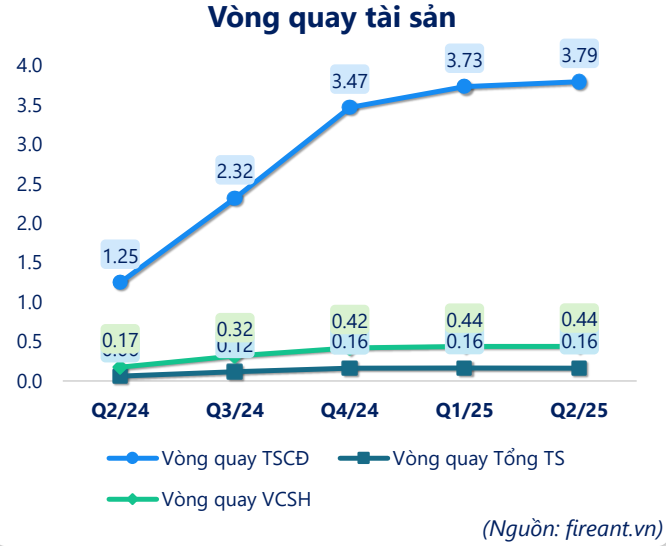
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**11,799**	**11,289**	**11,144**	**12,655**	**13,161**
Tài sản ngắn hạn	**5,973**	**5,303**	**5,152**	**6,581**	**7,657**
Tiền và tương đương tiền	435	99.6	457	738	162
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.10	55.7	40.5	0.11	0.11
Phải thu ngắn hạn	1,640	1,760	1,680	2,290	2,387
Hàng tồn kho	3,858	3,348	2,946	3,512	5,048
Tài sản ngắn hạn khác	39.4	39.8	28.1	41.0	59.8
Tài sản dài hạn	**5,827**	**5,985**	**5,992**	**6,074**	**5,504**
Phải thu dài hạn	756	753	745	296	401
Tài sản cố định	548	541	535	529	524
Bất động sản đầu tư	322	319	316	313	310
Tài sản dở dang	2,473	2,638	2,649	3,450	2,809
Đầu tư tài chính dài hạn	1,563	1,578	1,594	1,337	1,311
Tài sản dài hạn khác	165	157	153	149	148
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**7,737**	**7,115**	**6,067**	**7,430**	**7,935**
Nợ ngắn hạn	**3,024**	**2,578**	**1,818**	**2,003**	**3,361**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,192	1,884	966	1,220	2,357
Phải trả người bán ngắn hạn	82.0	94.1	103	89.3	112
Nợ dài hạn	4,714	4,537	4,249	5,427	4,574
Vay và nợ thuê dài hạn	4,028	3,808	3,582	4,731	3,775
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,062**	**4,174**	**5,077**	**5,225**	**5,226**
Vốn chủ sở hữu	**4,062**	**4,174**	**5,077**	**5,225**	**5,226**
Vốn điều lệ	2,420	2,904	3,200	3,200	3,200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)